

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch và cho thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở đối với Khu nhà phố (giai đoạn 3) thuộc dự án Khu đô thị Đại Phú Gia (Khu C thuộc khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư và Phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng và Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu C khu đô thị - thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị Đại Phú Gia (Khu C Khu đô thị-thương mại Bắc sông Hà Thanh); điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 82/BXD-PTĐT ngày 12/9/2019 của Bộ Xây dựng về việc chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở đối với khu nhà phố (giai đoạn 3) thuộc dự án Khu đô thị Đại Phú Gia;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 287/TTr-SXD ngày 11/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ chức năng sử dụng đất Khu đất dịch vụ cộng đồng (diện tích 4.110m²) sang chức năng đất quy hoạch mục đích giáo dục để xây dựng công trình trường học, đảm bảo nhu cầu học sinh trong khu vực dự án.

Điều 2. Đồng ý cho phép thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở đối với 285 lô đất ở với diện tích 30.282,2m² tại Khu nhà phố (giai đoạn 3) thuộc dự án Khu đô thị Đại Phú Gia (Khu C thuộc khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh) (Chi tiết theo phụ lục kèm theo).

Điều 3. Công ty TNHH Phú Hiệp phải đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng dùng chung của khu vực; chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật do mình đầu tư cho đến khi bàn giao cho UBND thành phố Quy Nhơn và các Công ty quản lý hạ tầng tiếp nhận vận hành.

Điều 4. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 82/BXD-PTĐT ngày 12/9/2019; rà soát đảm bảo việc triển khai dự án tuân thủ pháp luật về đất đai, nhà ở, đầu tư, xây dựng và các pháp luật khác có liên quan; đặc biệt là trình tự, thủ tục đầu tư, điều chỉnh dự án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan; đảm bảo việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án, kết nối với các tuyến đường Võ Nguyên Giáp và Quốc lộ 19; rà soát nội dung dự án, các thiết kế, giải pháp kỹ thuật thi công đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống thoát nước, kè của dự án có xét đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng do dự án nằm ven sông Hà Thanh và đầm Thị Nại; kiểm tra giám sát chặt chẽ người dân tự xây dựng nhà ở sau khi thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất đảm bảo tuân thủ quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị được duyệt.

Điều 5. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty TNHH Phú Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2019 của
UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
I	KHU LKA (50 LÔ)		4964,7
1	1	Đất nhà ở liền kề	104,3
2	2	Đất nhà ở liền kề	83,2
3	3	Đất nhà ở liền kề	80,0
4	4	Đất nhà ở liền kề	80,0
5	5	Đất nhà ở liền kề	80,0
6	6	Đất nhà ở liền kề	80,0
7	7	Đất nhà ở liền kề	90,0
8	8	Đất nhà ở liền kề	90,0
9	9	Đất nhà ở liền kề	90,0
10	10	Đất nhà ở liền kề	90,0
11	11	Đất nhà ở liền kề	90,0
12	12	Đất nhà ở liền kề	90,0
13	13	Đất nhà ở liền kề	90,0
14	14	Đất nhà ở liền kề	100,0
15	15	Đất nhà ở liền kề	100,0
16	16	Đất nhà ở liền kề	100,0
17	17	Đất nhà ở liền kề	100,0
18	18	Đất nhà ở liền kề	100,0
19	19	Đất nhà ở liền kề	100,0
20	20	Đất nhà ở liền kề	100,0
21	21	Đất nhà ở liền kề	100,0
22	22	Đất nhà ở liền kề	100,0
23	23	Đất nhà ở liền kề	100,0
24	24	Đất nhà ở liền kề	100,0
25	25	Đất nhà ở liền kề	135,5
26	26	Đất nhà ở liền kề	181,6
27	27	Đất nhà ở liền kề	128,2
28	28	Đất nhà ở liền kề	125,0
29	29	Đất nhà ở liền kề	121,8
30	30	Đất nhà ở liền kề	118,6
31	31	Đất nhà ở liền kề	115,4
32	32	Đất nhà ở liền kề	112,2
33	33	Đất nhà ở liền kề	109,0
34	34	Đất nhà ở liền kề	105,8

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
35	35	Đất nhà ở liền kề	102,5
36	36	Đất nhà ở liền kề	99,4
37	37	Đất nhà ở liền kề	96,2
38	38	Đất nhà ở liền kề	103,0
39	39	Đất nhà ở liền kề	99,8
40	40	Đất nhà ở liền kề	96,6
41	41	Đất nhà ở liền kề	93,4
42	42	Đất nhà ở liền kề	90,2
43	43	Đất nhà ở liền kề	87,0
44	44	Đất nhà ở liền kề	83,8
45	45	Đất nhà ở liền kề	90,5
46	46	Đất nhà ở liền kề	87,3
47	47	Đất nhà ở liền kề	84,1
48	48	Đất nhà ở liền kề	81,0
49	49	Đất nhà ở liền kề	80,8
50	50	Đất nhà ở liền kề	98,5
II	KHU LKB-D (41 LÔ)		3734,6
1	1	Đất nhà ở liền kề	130,7
2	2	Đất nhà ở liền kề	76,0
3	3	Đất nhà ở liền kề	80,1
4	4	Đất nhà ở liền kề	80,0
5	5	Đất nhà ở liền kề	79,5
6	6	Đất nhà ở liền kề	80,6
7	7	Đất nhà ở liền kề	81,8
8	8	Đất nhà ở liền kề	83,0
9	9	Đất nhà ở liền kề	84,2
10	10	Đất nhà ở liền kề	85,5
11	11	Đất nhà ở liền kề	86,7
12	12	Đất nhà ở liền kề	87,8
13	13	Đất nhà ở liền kề	89,2
14	14	Đất nhà ở liền kề	90,5
15	15	Đất nhà ở liền kề	91,7
16	16	Đất nhà ở liền kề	93,0
17	17	Đất nhà ở liền kề	94,3
18	18	Đất nhà ở liền kề	95,6
19	19	Đất nhà ở liền kề	97,0
20	20	Đất nhà ở liền kề	177,4
21	21	Đất nhà ở liền kề	114,4
22	22	Đất nhà ở liền kề	96,4

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
23	23	Đất nhà ở liền kề	95,3
24	24	Đất nhà ở liền kề	94,3
25	25	Đất nhà ở liền kề	93,2
26	26	Đất nhà ở liền kề	92,1
27	27	Đất nhà ở liền kề	91,0
28	28	Đất nhà ở liền kề	89,9
29	29	Đất nhà ở liền kề	88,8
30	30	Đất nhà ở liền kề	87,7
31	31	Đất nhà ở liền kề	86,5
32	32	Đất nhà ở liền kề	85,4
33	33	Đất nhà ở liền kề	84,2
34	34	Đất nhà ở liền kề	83,0
35	35	Đất nhà ở liền kề	81,8
36	36	Đất nhà ở liền kề	80,6
37	37	Đất nhà ở liền kề	79,4
38	38	Đất nhà ở liền kề	79,9
39	39	Đất nhà ở liền kề	79,9
40	40	Đất nhà ở liền kề	75,7
41	41	Đất nhà ở liền kề	110,5
III	KHU LKC-D (16 LÔ)		1489,2
10	10	Đất nhà ở liền kề	84,2
11	11	Đất nhà ở liền kề	85,1
12	12	Đất nhà ở liền kề	86,1
13	13	Đất nhà ở liền kề	87,0
14	14	Đất nhà ở liền kề	88,0
15	15	Đất nhà ở liền kề	88,8
16	16	Đất nhà ở liền kề	89,9
17	17	Đất nhà ở liền kề	90,8
18	18	Đất nhà ở liền kề	91,7
19	19	Đất nhà ở liền kề	92,6
20	20	Đất nhà ở liền kề	93,2
21	21	Đất nhà ở liền kề	93,6
22	22	Đất nhà ở liền kề	93,5
23	23	Đất nhà ở liền kề	93,4
24	24	Đất nhà ở liền kề	93,6
25	25	Đất nhà ở liền kề	137,7
IV	KHU LKD-D (36 LÔ)		3643,2
1	1	Đất nhà ở liền kề	229,2

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
2	2	Đất nhà ở liền kề	88,2
3	3	Đất nhà ở liền kề	87,4
4	4	Đất nhà ở liền kề	87,1
5	5	Đất nhà ở liền kề	86,9
6	6	Đất nhà ở liền kề	86,7
7	7	Đất nhà ở liền kề	86,6
8	8	Đất nhà ở liền kề	86,5
9	9	Đất nhà ở liền kề	86,5
10	10	Đất nhà ở liền kề	86,5
11	11	Đất nhà ở liền kề	86,5
12	12	Đất nhà ở liền kề	86,6
13	13	Đất nhà ở liền kề	86,7
14	14	Đất nhà ở liền kề	86,9
15	15	Đất nhà ở liền kề	87,1
16	16	Đất nhà ở liền kề	87,4
17	17	Đất nhà ở liền kề	119,9
18	18	Đất nhà ở liền kề	169,6
19	19	Đất nhà ở liền kề	164,1
20	20	Đất nhà ở liền kề	118,1
21	21	Đất nhà ở liền kề	89,4
22	22	Đất nhà ở liền kề	89,6
23	23	Đất nhà ở liền kề	89,9
24	24	Đất nhà ở liền kề	90,1
25	25	Đất nhà ở liền kề	90,2
26	26	Đất nhà ở liền kề	90,3
27	27	Đất nhà ở liền kề	90,4
28	28	Đất nhà ở liền kề	90,4
29	29	Đất nhà ở liền kề	90,4
30	30	Đất nhà ở liền kề	90,2
31	31	Đất nhà ở liền kề	90,1
32	32	Đất nhà ở liền kề	90,0
33	33	Đất nhà ở liền kề	89,7
34	34	Đất nhà ở liền kề	89,4
35	35	Đất nhà ở liền kề	88,6
36	36	Đất nhà ở liền kề	190,0
V	KHU LKE-D (19 LÔ)		1988,7
1	1	Đất nhà ở liền kề	202,3
2	2	Đất nhà ở liền kề	91,6
3	3	Đất nhà ở liền kề	94,3

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
4	4	Đất nhà ở liền kề	94,3
5	5	Đất nhà ở liền kề	94,2
6	6	Đất nhà ở liền kề	94,2
7	7	Đất nhà ở liền kề	94,0
8	8	Đất nhà ở liền kề	94,3
9	9	Đất nhà ở liền kề	94,1
10	10	Đất nhà ở liền kề	94,1
11	11	Đất nhà ở liền kề	94,0
12	12	Đất nhà ở liền kề	94,0
13	13	Đất nhà ở liền kề	94,0
14	14	Đất nhà ở liền kề	92,2
15	15	Đất nhà ở liền kề	95,8
16	16	Đất nhà ở liền kề	94,3
17	17	Đất nhà ở liền kề	94,0
18	18	Đất nhà ở liền kề	95,0
19	19	Đất nhà ở liền kề	188,0
VI	KHU LKF-D (30 LÔ)		2857,3
1	1	Đất nhà ở liền kề	109,5
2	2	Đất nhà ở liền kề	87,1
3	3	Đất nhà ở liền kề	87,1
4	4	Đất nhà ở liền kề	87,1
5	5	Đất nhà ở liền kề	87,1
6	6	Đất nhà ở liền kề	87,1
7	7	Đất nhà ở liền kề	87,1
8	8	Đất nhà ở liền kề	87,1
9	9	Đất nhà ở liền kề	87,1
10	10	Đất nhà ở liền kề	87,1
11	11	Đất nhà ở liền kề	87,1
12	12	Đất nhà ở liền kề	87,1
13	13	Đất nhà ở liền kề	87,1
14	14	Đất nhà ở liền kề	87,2
15	15	Đất nhà ở liền kề	184,1
16	16	Đất nhà ở liền kề	132,9
17	17	Đất nhà ở liền kề	90,6
18	18	Đất nhà ở liền kề	90,0
19	19	Đất nhà ở liền kề	89,7
20	20	Đất nhà ở liền kề	89,7
21	21	Đất nhà ở liền kề	89,7
22	22	Đất nhà ở liền kề	89,7

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
23	23	Đất nhà ở liền kề	89,7
24	24	Đất nhà ở liền kề	89,7
25	25	Đất nhà ở liền kề	89,7
26	26	Đất nhà ở liền kề	89,7
27	27	Đất nhà ở liền kề	89,7
28	28	Đất nhà ở liền kề	89,7
29	29	Đất nhà ở liền kề	89,7
30	30	Đất nhà ở liền kề	131,1
VII	KHU LKK-D (15 LÔ)		1573,2
1	1	Đất nhà ở liền kề	173,1
2	2	Đất nhà ở liền kề	94,7
3	3	Đất nhà ở liền kề	94,5
4	4	Đất nhà ở liền kề	94,8
5	5	Đất nhà ở liền kề	94,8
6	6	Đất nhà ở liền kề	94,9
7	7	Đất nhà ở liền kề	95,1
8	8	Đất nhà ở liền kề	95,2
9	9	Đất nhà ở liền kề	95,4
10	10	Đất nhà ở liền kề	95,3
11	11	Đất nhà ở liền kề	95,5
12	12	Đất nhà ở liền kề	95,7
13	13	Đất nhà ở liền kề	95,0
14	14	Đất nhà ở liền kề	95,0
15	15	Đất nhà ở liền kề	164,2
VIII	KHU LKG-D (34 LÔ)		4716,8
1	1	Đất nhà ở liền kề	144,7
2	2	Đất nhà ở liền kề	127,5
3	3	Đất nhà ở liền kề	128,8
4	4	Đất nhà ở liền kề	130,0
5	5	Đất nhà ở liền kề	131,3
6	6	Đất nhà ở liền kề	132,6
7	7	Đất nhà ở liền kề	133,9
8	8	Đất nhà ở liền kề	135,2
9	9	Đất nhà ở liền kề	136,5
10	10	Đất nhà ở liền kề	137,7
11	11	Đất nhà ở liền kề	139,0
12	12	Đất nhà ở liền kề	140,3
13	13	Đất nhà ở liền kề	141,6

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
14	14	Đất nhà ở liền kề	142,9
15	15	Đất nhà ở liền kề	144,1
16	16	Đất nhà ở liền kề	145,4
17	17	Đất nhà ở liền kề	247,7
18	18	Đất nhà ở liền kề	215,9
19	19	Đất nhà ở liền kề	131,0
20	20	Đất nhà ở liền kề	132,4
21	21	Đất nhà ở liền kề	133,4
22	22	Đất nhà ở liền kề	134,0
23	23	Đất nhà ở liền kề	134,2
24	24	Đất nhà ở liền kề	134,1
25	25	Đất nhà ở liền kề	133,5
26	26	Đất nhà ở liền kề	132,5
27	27	Đất nhà ở liền kề	131,2
28	28	Đất nhà ở liền kề	129,4
29	29	Đất nhà ở liền kề	127,3
30	30	Đất nhà ở liền kề	124,7
31	31	Đất nhà ở liền kề	121,8
32	32	Đất nhà ở liền kề	118,5
33	33	Đất nhà ở liền kề	115,2
34	34	Đất nhà ở liền kề	128,5
IX	KHU LKN-D (42 LÔ)		4977,0
1	1	Đất nhà ở liền kề	185,5
2	2	Đất nhà ở liền kề	133,0
3	3	Đất nhà ở liền kề	133,0
4	4	Đất nhà ở liền kề	114,0
5	5	Đất nhà ở liền kề	114,0
6	6	Đất nhà ở liền kề	114,0
7	7	Đất nhà ở liền kề	114,0
8	8	Đất nhà ở liền kề	114,0
9	9	Đất nhà ở liền kề	114,0
10	10	Đất nhà ở liền kề	114,0
11	11	Đất nhà ở liền kề	114,0
12	12	Đất nhà ở liền kề	114,0
13	13	Đất nhà ở liền kề	114,0
14	14	Đất nhà ở liền kề	114,0
15	15	Đất nhà ở liền kề	114,0
16	16	Đất nhà ở liền kề	114,0

STT	Ký hiệu lô đất	Phân loại nhà ở	Diện tích
17	17	Đất nhà ở liền kề	114,0
18	18	Đất nhà ở liền kề	114,0
19	19	Đất nhà ở liền kề	114,0
20	20	Đất nhà ở liền kề	114,0
21	21	Đất nhà ở liền kề	166,5
22	22	Đất nhà ở liền kề	157,5
23	23	Đất nhà ở liền kề	108,0
24	24	Đất nhà ở liền kề	108,0
25	25	Đất nhà ở liền kề	108,0
26	26	Đất nhà ở liền kề	108,0
27	27	Đất nhà ở liền kề	108,0
28	28	Đất nhà ở liền kề	108,0
29	29	Đất nhà ở liền kề	108,0
30	30	Đất nhà ở liền kề	108,0
31	31	Đất nhà ở liền kề	108,0
32	32	Đất nhà ở liền kề	108,0
33	33	Đất nhà ở liền kề	108,0
34	34	Đất nhà ở liền kề	108,0
35	35	Đất nhà ở liền kề	108,0
36	36	Đất nhà ở liền kề	108,0
37	37	Đất nhà ở liền kề	108,0
38	38	Đất nhà ở liền kề	108,0
39	39	Đất nhà ở liền kề	108,0
40	40	Đất nhà ở liền kề	126,0
41	41	Đất nhà ở liền kề	126,0
42	42	Đất nhà ở liền kề	175,5
X	KHU LKO (02 LÔ)		337,5
1	1	Đất nhà ở liền kề	166,5
2	2	Đất nhà ở liền kề	171,0
TỔNG CỘNG (285 LÔ)			30.282,2